TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 355/2026/DS-ST
Ngày: 22/5/2026
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Bà Phạm Thị Kim Tiến

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Mai Hồng

2. Bà Nguyễn Minh Phương

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 329/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 599/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2026. Quyết định hoãn phiên tòa số 297/2026/DSST-QĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026. Quyết định hoãn phiên tòa số 364/2026/DSST-QĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: **Công ty T (Việt Nam).**

Địa chỉ trụ sở: Số I P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lee Yun H** – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Hải N,** sinh năm 2002.

Địa chỉ: Số B L, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Trần Đăng K**, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Số B M, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/4/2023, Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là "Công ty T") ký Hợp đồng tín dụng số: 4515928 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng tín dụng") về việc cấp tín dụng cho ông Trần Đăng K với khoản vay trị giá 41.249.100 đồng, trong đó bao gồm: 38.300.000 đồng tiền vay và 2.949.100 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 48%/năm. Thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/4/2026.

Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4515928 giữa Công ty T và ông Trần Đăng K là hợp đồng được giao kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử. Hợp đồng điện tử này được các bên giao kết thông qua việc ông Trần Đăng K đồng ý các điều khoản quy định trên hợp đồng và xác nhận ký hợp đồng bằng cách nhập mã OTP được gửi từ hệ thống qua SMS hoặc email. Sau khi kiểm tra OTP hợp lệ, Công ty TNHH H2 (là đơn vị đã đăng ký Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định pháp luật Việt Nam) sẽ khởi tạo chữ ký số, thực hiện ký hợp đồng điện tử và lưu trữ hợp đồng điện tử, thông tin khoản vay. Khi đó, phía Công ty TNHH H2 cũng sẽ tự động khởi tạo chữ ký số và thực hiện ký hợp đồng điện tử cho Công ty T.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 12/4/2023 Công ty T đã đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông Trần Đăng K theo đúng quy định trong hợp

đồng tín dụng, số tiền giải ngân được Công ty T chuyển khoản vào tài khoản do ông Trần Đăng K cung cấp tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4515928, cụ thể như sau: Tên tài khoản: TRAN DANG KHOA; Số tài khoản: 0901040506; Tại ngân hàng: QUAN DOI (MB); Số tiền giải ngân: 38.300.000 đồng; Nội dung: MIRAE ASSET CHUYEN TIEN GN TRAN DANG KHOA HD 4515928.

Qua quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Đăng K đã thanh toán được 18 kỳ với tổng số tiền: 41.340.000 đồng. Trong đó bao gồm: 13.298.505 đồng tiền gốc; 27.825.495 đồng tiền lãi và 216.000 đồng tiền phí thu hộ. Tuy nhiên ngày 10/10/2024, ông Trần Đăng K đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn.

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn như sau: "*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong thỏa thuận cho vay và/hoặc hợp đồng bảo đảm tiền vay*". Căn cứ theo Điểm a, điểm f khoản 11.2 Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty T (Việt Nam) quy định: "*MAFC sẽ có quyền đơn phương chấm dứt cho vay đối với Khách H1, đồng thời MAFC cũng có quyền thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn từ K, khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a. Khách hàng vi phạm Hợp Đồng Tín Dụng và BĐK&ĐK này; f. MAFC không thể liên lạc được với Khách Hàng từ 01 tháng trở lên, vì Khách Hàng không thông báo cho MAFC khi thay đổi địa chỉ liên lạc, thay đổi số điện thoại, thay đổi địa chỉ thư điện tử tại Hợp Đồng T*."

Việc ông Trần Đăng K không thanh toán đúng hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, đã vi phạm nghĩa vụ đối với Công ty T, đồng thời Công ty có quyền đơn phương chấm dứt cho vay và thu

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Trần Đăng K thanh toán cho Công ty T tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2026 số tiền 53.411.269 đồng Trong đó: Nợ gốc: 27.950.595 đồng; Nợ lãi: 25.460.674 đồng (bao gồm lãi quá hạn là: 10.113.321 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn 14.210.734 đồng; lãi chậm trả 1.136.619 đồng).

Yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi từ ngày 23/5/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, để hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn luôn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện sau khi thẩm tra công khai tại phiên tòa sau khi nghe ý kiến tranh luận của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bị đơn trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, nên quan hệ pháp luật trong vụ án, xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Nhận thấy hợp đồng có hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật, trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hợp đồng hợp pháp, phát sinh hiệu lực từ ngày hai bên ký hợp đồng.

[3.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ của nguyên đơn:

Công ty TNHH MTV T yêu cầu tòa án buộc ông Trần Đăng K phải thanh toán nợ cho Công ty tính đến ngày 22/5/2026 tổng số tiền 53.411.269 đồng. Trong đó nợ gốc: 27.950.595 đồng, nợ lãi 25.460.674 đồng.

Việc bị đơn không thanh toán nợ, theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ, làm cho quyền lợi của Công ty bị xâm phạm. Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn luôn vắng mặt không có lý do và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi là có cơ sở chấp nhận. Do đó buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 22/5/2026 là 53.411.269 đồng.

Ngoài ra bị đơn còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 23/5/2026 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết số nợ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu 2.670.563 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV T đối với bị đơn ông Trần Đăng K.

Buộc bị đơn ông Trần Đăng K phải trả cho Công ty TNHH MTV T tổng số tiền là 53.411.269 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm mười một nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó Nợ gốc: 27.950.595 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn năm trăm chín mươi lăm nghìn. Nợ lãi: 25.460.674 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4515928 ký ngày 12/4/2023 cho đến khi thanh toán xong.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Đăng K phải chịu 2.670.563 đồng (Hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng). Nguyên đơn Công ty TNHH MTV T được nhận lại 990.000 đồng (Chín trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000999 ngày 15/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện KSND KV1-CT;
- Phòng T.H.A Dân sự KV1-CT;
- Các đương sự
- Lưu.

Phạm Thị Kim Tiến